

Bản án số: 226/2021/HN-ST

Ngày: 23-6-2021

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Lom;

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Hồ Bá L, sinh năm 1972; Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm 1974; Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2021, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Hồ Bá L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1993, ông và bà Nguyễn Thị Ngọc L1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/3/1997. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc

được khoảng 15 năm, đến năm 2011 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thời gian đầu vợ chồng vẫn cố gắng duy trì cho đến năm 2013 thì mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, làm ăn thất bại, vợ chồng cãi nhau thường xuyên, bà L1 có người đàn ông khác bên ngoài, từ đó mỗi người sống một nơi, không gặp nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nên ông và bà L1 đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng với bà L1 không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L1, ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Bá D, sinh ngày 21/8/1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông L về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian mâu thuẫn. Còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì bắt đầu từ việc làm ăn thất bại, ông L đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh 05-06 năm nay, hai vợ chồng không gặp nhau nên tình cảm nhạt dần, đồng thời cũng ly thân từ đó. Nay bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Bá D, sinh ngày 21/8/1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Hồ Bá L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông L.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tiến hành mở phiên tòa nhưng bà L1 vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L1 là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà L1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo ông L, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là về kinh tế, làm ăn thất bại, vợ chồng cãi nhau thường xuyên, bà L1 có người đàn ông khác bên ngoài, từ đó mỗi người sống một nơi, không gặp nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà L1, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn. Còn bà L1 thì cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ việc làm ăn thất bại, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm nhạt dần nay bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông L và bà L1 thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân khoảng 05 - 06 năm nay, với khoảng thời gian trên đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành động viên và cho các bên thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L vẫn không đồng ý hàn gắn và ông L vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà L1. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà L1 là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L đối với bà L1 là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Bá D, sinh ngày 21/8/1995 đã trưởng thành nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: ông L phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hồ Bá L đối với bà Nguyễn Thị Ngọc L1. Cụ thể tuyên:

Ông Hồ Bá L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L1. Ghi nhận ông L và bà L1 không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Bá D, sinh ngày 21/8/1995 đã trưởng thành nên không xem xét.

3/. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4/. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí: Ông Hồ Bá L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007164 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Ông L đã nộp đủ án phí.

6/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSYA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Chí Đức